

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Trường Sơn,
huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù và các quy định của pháp luật có liên quan;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo thẩm định số 6389/SXD-QH ngày 04 tháng 11 năm 2016 về việc quy hoạch chung xây dựng đô thị Trường Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chung xây dựng đô thị Trường Sơn, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, với nội dung chính sau:

1. Phạm vi và ranh giới lập quy hoạch:

Phạm vi, ranh giới nghiên cứu lập đồ án quy hoạch thuộc toàn bộ địa giới hành chính xã Trường Sơn và một phần xã Tượng Văn, huyện Nông Cống. Tổng diện tích là 681,32ha (trong đó: xã Trường Sơn tổng diện tích 582,32ha; xã Tượng Văn là 99ha). Ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc: Giáp xã Trường Trung;
- Phía Nam: Giáp xã Tượng Văn;
- Phía Đông: Giáp xã Trường Giang.
- Phía Tây: Giáp xã Trường Minh.

2. Tính chất, chức năng đô thị:

Là đô thị công nghiệp, dịch vụ, du lịch; có tác động tương hỗ trong việc phát triển các đô thị động lực vùng Nam Thanh - Bắc Nghệ.

3. Quy mô dân số và đất đai:

3.1. Quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng: 5.099 người; trong đó toàn bộ dân cư xã Trường Sơn là 4.399 người và một phần dân cư phía Bắc xã Tượng Văn là 700 người.

- Dân số đô thị dự báo đến năm 2020 khoảng 6000 người.

- Dân số đô thị dự báo đến năm 2025 khoảng 8000 người.

3.2. Quy mô đất đai:

- Tổng diện tích đất quy hoạch : 681.32ha. Trong đó:

+ Đất dân dụng: 224,57ha;

+ Đất ngoài dân dụng : 456.75ha.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu:

4.1. Chỉ tiêu sử dụng đất:

* Đất dân dụng: 283m²/người.

- Đất ở: 185 m²/người, trong đó:

+ Đất ở mới 20 m²/người

+ Đất ở hiện trạng 165 m²/người

- Đất giao thông: 43 m²/người;

- Đất công trình công cộng: 27 m²/người;

- Đất cây xanh: 26 m²/người.

4.2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Chỉ tiêu điện năng: 1000KWh/người/năm, phụ tải 330W/người;

- Cấp nước sinh hoạt: 120 l/người/ngđ;

- Thu gom nước thải sinh hoạt: >80% nước cấp;

- Chất thải rắn: 0.8Kg/ng/ngđ;

- Thu gom xử lý: 85% chất thải;

5. Định hướng phát triển không gian đô thị:

5.1. Hướng phát triển đô thị:

- Định hướng phát triển mở rộng không gian đô thị dọc theo đường tỉnh lộ 525, mở rộng hướng kết nối không gian đô thị với các khu vực lân cận.

- Đảm bảo sự gắn kết hài hoà, đồng bộ giữa cải tạo khu phố, làng xóm hiện hữu và phát triển đô thị mới hiện đại.

- Khai thác triệt để các tiềm năng về kinh tế xã hội, điều kiện tự nhiên, lịch sử văn hoá..., đảm bảo các dịch vụ, tiện ích đô thị, phát triển bền vững.

5.2. Các không gian chính đô thị:

- Xây dựng tập trung trung tâm hành chính, văn hóa mới kết hợp không gian quảng trường tại vị trí mới về phía Tây bắc cách trung tâm xã cũ khoảng 800m, là khu vực dọc theo TL 525 và chủ yếu phát triển về phía Nam TL525.

- Xây mới 01 công viên cây xanh kết hợp hồ điều hòa phía Đông trung tâm hành chính mới, nâng cao giá trị cảnh quan đô thị cũng như góp phần điều tiết về thoát nước đô thị trong giai đoạn đầu.

- Khu vực thương mại dịch vụ chủ yếu phát triển về phía Bắc và bám dọc theo đường TL 525.

6. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng:

6.1. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

STT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (HA)	TỶ LỆ(%)
I	ĐẤT DÂN DỤNG	224.37	32.93
I.1	ĐẤT CÔNG CÔNG, DỊCH VỤ	21.52	3.16
I.2	ĐẤT CÂY XANH	21.89	3.21
I.3	ĐẤT Ở	148.19	21.75
1	ĐẤT Ở MỚI	15.98	2.35
2	ĐẤT Ở CẢI TẠO CHÍNH TRANG	132.21	19.41
I.4	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI THỊ	34.68	5.09
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG	456.95	67.07
II.1	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP	36.88	5.41
II.2	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	282.73	41.50
II.3	ĐẤT CÔNG TRÌNH ĐÀU MỚI, BẾN BÃI	4.92	0.72
II.4	ĐẤT NGHỈ TRẠNG	24.41	3.58
II.5	ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN	26.44	3.88
II.6	ĐẤT ĐỒI NÚI, MẶT NƯỚC	57.19	8.39
II.7	ĐẤT KHÁC	0.75	0.11
II.8	ĐẤT GIAO THÔNG	21.72	3.19
	TỔNG	681.32	100.0

6.2. Phân khu chức năng.

6.2.1. Khu trung tâm hành chính đô thị:

Là khu vực quy hoạch mới phát triển về phía Tây cách 800m so với trung tâm xã Trường Sơn cũ, được phát triển dọc hai bên tỉnh lộ (TL) 525 nhưng chủ yếu mở rộng về phía Nam tỉnh lộ. Khu này được quy hoạch với quy mô khoảng 25ha (bao gồm cả đất dự trữ phát triển) và được bố trí các công trình: Trụ sở cơ quan hành chính đô thị (UBND thị trấn); Công an; Bưu điện; Đội thuế; Quỹ tín dụng và dịch vụ ngân hàng; Sân vận động, thể dục thể thao, thư viện, nhà thi đấu, bể bơi...; đài tưởng niệm; các công trình phụ trợ kèm theo và một phần dân cư mới của đô thị. Đây là khu vực tạo thị, làm điểm nhấn chính của đô thị.

6.2.2. Khu giáo dục, y tế:

Khu y tế giáo dục được quy hoạch chỉnh trang mở rộng với quy mô khoảng 6,5ha trên cơ sở các công trình hiện có gồm: các trường THPT, THCS, Tiểu học; Trạm thủy nông; Trạm y tế. Các công trình đều được điều chỉnh mở rộng về phía sau (phía Bắc), nhằm đảm bảo quy mô định hướng và đạt tiêu chuẩn cho đô thị. Ngoài ra tiếp giáp phía sau là đất quy hoạch dân cư mới và quỹ đất dự trữ phát triển đô thị.

6.2.3. Khu thương mại dịch vụ và cụm công nghiệp:

- Thương mại dịch vụ: Trên cơ sở Chợ Trường Sơn hiện có, đô thị được quy hoạch thêm các điểm thương mại dịch vụ tập trung (hình thức siêu thị) nằm tiếp giáp phía Bắc TL.525 gần khu vực Chợ, đây là khu vực kết nối giữa Chợ và cụm công nghiệp tạo thành tuyến thương mại dịch vụ; điểm thương mại dịch vụ mới bám trục đường TL.525 về phía Bắc tại khu hành chính mới. Ngoài ra các điểm dịch vụ thương mại kết hợp nhà ở được bố trí dọc theo các trục chính đô thị.

- Cụm Công nghiệp Trường Sơn được nghiên cứu quy hoạch về phía Đông Nam của đô thị tiếp giáp TL.525, với quy mô là 22,93ha.

6.2.4. Khu trung tâm văn hoá thể thao và công viên, cây xanh:

Là khu vực được quy hoạch phân tán theo trung tâm hành chính và các Khu được tổ chức không gian theo các khu ở.

- Nhà văn hoá trung tâm mới được đầu tư xây dựng cách trung tâm hành chính mới khoảng 800m về phía Đông, được giữ nguyên vị trí;

- Sân vận động, thể dục thể thao, thư viện, nhà thi đấu, bể bơi..., được quy hoạch mới tại phía Tây đô thị, gắn kết với các công trình hành chính tạo nên điểm nhấn cho không gian đô thị;

- 09 Nhà văn hoá thôn kết hợp sân chơi tại các thôn được chỉnh trang và mở rộng tạo không gian riêng cho các điểm dân cư hiện hữu;

- Quy hoạch mới khu công viên cây xanh về phía Đông trung tâm hành chính mới với quy mô khoảng 7 ha giáp dân cư làng Kim Phú.

- Hệ thống cây xanh được bố trí xen kẽ trong các công trình công cộng, các khu dân cư quy hoạch mới, các không gian sân chơi đi dạo và công viên. Riêng đất cây xanh cách ly tại khu vực có cụm công nghiệp cây xanh được quy hoạch thành hành lang an toàn theo TL525. Như vậy các không gian xanh được đan xen lẫn nhau tạo thành mạng kết nối với nhau thông qua giao thông làm cho đô thị có sự hài hoà.

6.2.5. Các Nhóm nhà ở mới, khu dân cư hiện hữu và khu vực khác:

- Nhóm nhà ở mới: Bố trí nhóm nhà ở mới về phía Nam khu trung tâm hành chính đô thị, ngoài ra tại các khu đất trống theo TL525; các nhóm nhà ở mới tại các tuyến chính đô thị; các điểm xen kẽ tại các thôn hiện hữu được khai thác triệt để quỹ đất xây dựng, một mặt phát huy mạng lưới hạ tầng kỹ thuật hiện có.

- Các khu dân cư hiện hữu: Được quy hoạch chỉnh trang, điều chỉnh và đầu nối hạ tầng đồng bộ với toàn đô thị. Ngoài ra còn kết hợp với các điểm tái định cư tại chỗ và các điểm dân cư xen kẽ mới tạo thành một thể thống nhất, đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Các khu vực khác: Khu vực núi Văn Đô, Phụng Liên và Núi Trái, hạn chế phát triển nhà ở, không cho khai thác thêm tạo ranh giới và bảo vệ môi trường cảnh quan thiên nhiên những khu vực đã được khai thác, đặc biệt như núi Phụng Liên đưa quỹ đất này thành đất dịch vụ bến bãi và tập kết vật liệu xây dựng.

6.2.6. Khu vực không gian bến bãi và công trình đầu mối.

- Bến xe: Xây dựng bến xe mới với diện tích khoảng 8.000m², được nằm về phía Tây Bắc trung tâm hành chính và TL525, bố trí tiếp giáp điểm thương mại dịch vụ.

- Các công trình đầu mối: Khu xử lý nước thải được bố trí tiếp giáp phía Bắc cụm công nghiệp; trạm cấp nước được đặt tại thôn Phú Thứ (xã Tượng Văn), là khu đất đối diện với cụm công nghiệp. Các trạm biến áp toàn đô thị gồm 10 trạm (trong đó 04 trạm hiện có và 06 trạm mới), các trạm hiện có giữ nguyên vị trí và nâng cấp công suất.

Bảng tổng hợp chi tiết sử dụng đất

ST T	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (HA)	HỆ SỐ SDD	MẬT ĐỘ XD	TẦNG CAO	TỶ LỆ (%)
1	ĐẤT DÂN DỤNG		224.37				32.93
I.1	ĐẤT CÔNG CỘNG, DỊCH VỤ		21.52				3.16
1	ĐẤT TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH		2.89				
	TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH	TTTC	2.00	1,5 - 2,8	30 - 40	5 - 7	
	TRỤ SỞ CÔNG AN	DCQ	0.89	1,5 - 2,8	30 - 40	5 - 7	
2	ĐẤT CÔNG CỘNG		5.84				
2.1	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG	CTCC	3.41				
2.2	CÔNG TRÌNH Y TẾ		0.87				
	TRẠM Y TẾ CẢI TẠO MỞ RỘNG	YT.01	0.40	0,9 - 2,0	30 - 40	3 - 5	
	TRẠM Y TẾ XÂY MỚI	YT.02	0.47	0,3 - 1,2	30 - 40	1 - 3	
2.3	CÔNG TRÌNH VĂN HÓA		1.56				
	TRUNG TÂM VĂN HÓA	TTVH	0.58	1,5 - 2,8	30 - 40	5 - 7	
	NHÀ VĂN HÓA CẢI TẠO	NVH	0.98	0,3 - 1,2	30 - 40	1 - 3	
3	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, CHỢ DÂN SINH		8.23				
	ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ	DVTM	4.96	0,9 - 2,0	30 - 40	3 - 5	
	TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI XÂY MỚI	DVTM.0 4	1.73	0,3 - 1,2	30 - 40	1 - 3	
	CHỢ TRƯỜNG SƠN	DVTM.0 5	1.54	0,3 - 1,2	30 - 40	1 - 3	
4	ĐẤT GIÁO DỤC		4.56				
I.2	ĐẤT CÂY XANH		21.89				3.21
	QUẢNG TRƯỜNG TRUNG TÂM	QT	2.91	0,05 - 0,1	5 - 10	1	
	SÂN VẬN ĐỘNG TRƯỜNG SƠN XÂY MỚI		3.11	0,05 - 0,1	5 - 10	1	
	CÔNG VIÊN CÂY XANH TDIT	CVCX	14.37	0,05 - 0,1	5 - 10	1	
	CÂY XANH CÁCH LY CỤM CÔNG NGHIỆP	CXCL	1.50	0,55 - 0,6	55 - 60	1	
I.3	ĐẤT Ở		148.19				21.75
1	ĐẤT Ở MỚI	DOM	15.98	1,2 - 3,0	40 - 60	3 - 5	
2	ĐẤT Ở CẢI TẠO CHÍNH TRẠNG	DCCP	132.21	0,8 - 3,0	40 - 60	2 - 5	
I.4	ĐẤT GIAO THÔNG NỘI THỊ		34.68				5.09
II	ĐẤT NGOÀI DÂN DỤNG		456.95				67.07
II.1	ĐẤT CỤM CÔNG NGHIỆP		36.88	0,55 - 0,6	55 - 60	1	5.41
	CỤM CÔNG NGHIỆP	CN	22.93	0,55 - 0,6	55 - 60	1	
	ĐẤT DỰ TRÙ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP	DTCN	12.45	0,55 - 0,6	55 - 60	1	
II.2	ĐẤT NÔNG NGHIỆP		282.73				41.50
1	ĐẤT TRỒNG LÚA NĂNG XUẤT CAO	TLNX	152.99				
2	ĐẤT TRỒNG CÂY NÔNG NGHIỆP KHÁC	DNN	129.74				
II.3	ĐẤT CÔNG TRÌNH ĐÀU MỚI, BẾN BÀI		4.92				0.72
1	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT	HTKT	1.50	0,2 - 0,3	20 - 30	1	

ST T	LOẠI ĐẤT	KÝ HIỆU	DIỆN TÍCH (HA)	HỆ SỐ SĐĐ	MẶT ĐỘ XD	TẦNG CAO	TỶ LỆ (%)
2	BÃI DỖ XE	BX	0.80	0,2 - 0,3	20 - 30	1	
3	CÂY XÃNG		1.09	0,2 - 0,3	20 - 30	1	
4	BÃI RÁC	BR	1.53				
II.4	ĐẤT NGHĨA TRANG	NT	24.41				3.58
	ĐẤT NGHĨA TRANG	CVNT	5.88				
II.5	ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN		26.44				3.88
	ĐẤT DỰ TRỮ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI	DTPT	2.01	0,9 - 2,0	30 - 40	3 - 5	
	ĐẤT Ồ DỰ KIẾN	DTPT	24.43	1,2 - 3,0	40 - 60	3 - 5	
II.6	ĐẤT ĐỒI NÚI, MẶT NƯỚC SÔNG SƯỜI		57.19	-	-	-	8.39
II.7	ĐẤT KHÁC		0.75				0.11
	ĐÀI TƯỢNG NIỆM	BTN	0.27	0,3 - 1,2	30 - 40	1 - 3	
-		TĐLS	0.04	0,3 - 1,2	30 - 40	1 - 3	
	ĐẤT TÔN GIÁO	TGD'T	0.44	0,3 - 1,2	30 - 40	1 - 3	
II.8	ĐẤT GIAO THÔNG		21.72				3.19
	TỔNG		681.32				100.00

7. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

* San nền:

- Tận dụng triệt để địa hình tự nhiên để khối lượng san đắp nền kinh tế nhất.
- Độ dốc dọc đường theo quy chuẩn hiện hành để đảm bảo giao thông và thoát nước mưa thuận lợi.
- Đảm bảo độ dốc nền theo quy chuẩn, nhỏ nhất là 0,004 để đảm bảo thoát nước tự chảy.

- Cao độ xây dựng cho đô thị Trường Sơn như sau:

- + Khu vực làng xóm hiện hữu chọn cao độ xây dựng $\geq +5.30\text{m}$;
- + Khu vực dự kiến phát triển đô thị chọn cao độ xây dựng $\geq +5.50\text{m}$;
- + Khu vực phát triển khu công nghiệp chọn cao độ xây dựng $\geq +6.0\text{m}$;

Đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất $P=5\%$, phần lớn khu vực dự kiến phát triển là đồng ruộng canh tác khi xây dựng chỉ cần tôn nền đến cao độ $\geq +5.50\text{m}$. Hướng dốc nền đảm bảo thoát nước tự chảy $\geq 0,004$.

Tổng khối lượng dự kiến đắp nền là $w=899.640\text{m}^3$.

* Thoát nước mưa:

Sử dụng hệ thống thoát nước chung, hoạt động với chế độ tự chảy.

Lưu vực thoát nước: Toàn bộ khu vực nghiên cứu được chia thành 02 lưu vực thoát nước chính.

+ Lưu vực 1 (diện tích khoảng 457,9ha): là khu vực phía Tây Nam tỉnh lộ 525 thoát ra sông Mực.

+ Lưu vực 2 (diện tích khoảng 235,4ha): là khu vực phía Đông Bắc tỉnh lộ 525 thoát ra sông Hoàng Long.

7.2. Quy hoạch giao thông:

7.2.1. Giao thông đối ngoại:

- Đường TL525, tuyến này hướng Tây Bắc đi thị trấn Nông Công, hướng Đông Nam đi QL1A, chạy qua trung tâm đô thị với chiều dài khoảng 3,9km; lộ giới 26m.

- Đường chính đô thị (nâng cấp đường liên xã). Tuyến đường này có hướng Bắc đi xã Trường Trung và hướng Nam đi xã Tượng Văn, với chiều dài qua đô thị khoảng 3km và chạy song song với kênh tưới hiện có (kênh Nam sông Mực); lộ giới 17m.

- Bãi đỗ xe và bến xe đối ngoại: Xây dựng các bãi đỗ xe tập trung tại các khu vực trung tâm công cộng, các công trình nhà ở văn phòng cao tầng, đảm bảo bán kính phục vụ tốt nhất; Bến xe đối ngoại bố trí phía Tây Bắc đô thị, giáp đường TL 525, diện tích chiếm đất 0.8ha.

7.2.2. Giao thông đối nội:

- Các tuyến đường được nâng cấp và mở mới, các tuyến chính liên khu chức năng được quy hoạch có hướng song song với Tỉnh lộ 525 và tuyến chính đô thị hướng Bắc Nam. Ngoài ra đây cũng là mặt cắt hai tuyến vành đai về phía Bắc và phía Nam đô thị; lộ giới 13m. Các tuyến chính liên khu chức năng được quy hoạch có hướng vuông góc với Tỉnh lộ 525; lộ giới 13.5m.

- Tuyến trục cảnh quan trong khu trung tâm hành chính mới đô thị, tuyến này giao cắt vuông góc với TL 525, với chiều dài khoảng 800m; lộ giới 21 m.

- Toàn bộ các tuyến đường nội bộ mới trong các khu chức năng và các tuyến nội bộ nâng cấp tại các khu dân cư hiện hữu; lộ giới 11.5 m.

Bảng thống kê các tuyến đường:

TT	Loại đường	Mặt cắt	Đường đỏ (m)	Chiều dài (m)	Diện tích (m ²)		Diện tích (m ²)
					Mặt đường	Via Hè	
I	Đường tỉnh						
1	Đường Tỉnh lộ 525	1-1	26	3900	62400	39000	125100
II	Đường đô thị						
1	Đường chính đô thị	2-2	17	3000	31500	19500	51000
	Đường trục cảnh quan	4-4	21	800	8800	8000	16800
2	Đường liên khu vực	3-3	13	7500	52500	45000	97500
	Đường khu vực	3'-3'	13.5	1220	9150	7320	16470
3	Đường khu vực	5-5	8.5	18500	101750	55500	157250
4	Đường thôn, đường phục vụ sản xuất		4	25000	100000		100000
III	Công trình đầu mối giao thông						
1	Bến xe, bãi đỗ xe				8000		8000
	Tổng (I+II+III)			59920	374100	174320	572120

7.3. Quy hoạch cấp điện:

Tổng nhu cầu dùng điện là 6.427kVA.

* Nguồn điện:

Nguồn điện từ trạm 110/35/22kV Nông Công mới được nâng công suất 2x25MVA.

* Lưới trung áp 22kV:

Với quy mô công suất 5788kW, kiến nghị di dời lưới 22kV theo các trục giao thông đảm bảo hành lang an toàn và tiết kiệm quỹ đất. Đoạn qua ranh giới đô thị được bọc cách điện bằng PVC đảm bảo hành lang an toàn điện.

* Lưới hạ áp 0,4kV:

Mạng lưới 0,4kV hiện có tại các tuyến liên thôn vẫn giữ nguyên, cải tạo các tuyến điện sinh hoạt đến từng hộ tiêu thụ. Các tuyến 0,4kV có tiết diện bé sẽ cải tạo nâng cấp tiết diện đảm bảo cung cấp điện phù hợp với tiêu chuẩn đô thị.

* Trạm hạ áp 22/0,4kV

- Sửa chữa, cải tạo thay thế dần các trạm biến áp không đủ tiêu chuẩn vận hành. Các trạm biến áp xây dựng mới dùng loại trạm 22/0,4kV.

- Bố trí các trạm lưới 22/0,4kV phù hợp với công suất yêu cầu; bán kính phục vụ các trạm hạ áp không quá 400m.

- Giữ lại 2 trạm 10/0,4kV hiện trạng, cải tạo cấp điện áp 22/0,4kV. Theo tính toán cần đặt thêm 8 trạm mới với tổng công suất đặt là 4920kVA.

* Điện chiếu sáng:

Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng. Tất cả các trục đường có mặt cắt lớn hơn 4m đều được chiếu sáng.

7.4. Quy hoạch cấp nước:

- Tổng nhu cầu dùng nước là 5200 m³/ng.đêm.

- Nguồn cấp: Nguồn cấp nước cho đô thị Trường Sơn giai đoạn đầu đến năm 2020 là nguồn nước mặt qua kênh tưới N8 (kênh Nam sông Mực), đáp ứng đủ nhu cầu nước sạch cho sinh hoạt và sản xuất. Giai đoạn đến năm 2025 sẽ nghiên cứu xây dựng đường ống dẫn từ nước mặt của sông Hoàng.

7.5. Thoát nước thải:

- Tổng nhu cầu thoát nước thải sinh hoạt.

+ Giai đoạn đầu đến năm 2020: 690m³/ng.đêm.

+ Giai đoạn dài hạn đến năm 2025: 980m³/ng.đêm.

- Tổng nhu cầu thoát nước thải công nghiệp.

+ Giai đoạn đầu đến năm 2020: 770m³/ng.đêm.

+ Giai đoạn dài hạn đến năm 2025: 1225m³/ng.đêm.

- Giải pháp thoát nước thải sinh hoạt cho cả đô thị là hệ thống thoát nước chung, các hộ dân cư, cơ quan và công trình công cộng đều có bể tự hoại 3 ngăn, để xử lý nhằm đảm bảo nước bẩn đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi chảy vào hệ thống cống chung.

- Nước thải tại phòng khám đa khoa, trạm y tế cần phải xử lý cục bộ trong từng khu vực đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép mới được xả vào cống.

- Bố trí 01 trạm xử lý nằm ở phía Nam giáp cụm công nghiệp, đây là trạm xử lý chung cho toàn đô thị và cụm công nghiệp với công suất là:

+ Giai đoạn đầu: 1.460m³/ng.đ

+ Giai đoạn dài hạn: 2205m³/ng.đ

- Diện tích trạm xử lý khoảng 0,5ha.

7.6. Thông tin liên lạc:

- Phát triển hệ thống TTLL trên cơ sở hệ thống hạ tầng đô thị.
- Hệ thống dây dẫn chạy dọc theo tuyến giao thông quy hoạch, nâng công suất tổng dài để mở rộng mạng điện thoại trong khu vực đô thị và các xã lân cận.

7.7. Cây xanh và vệ sinh môi trường:

- Trồng cây xanh 2 bên trục đường giao thông, chọn loại cây có nhiều bóng mát, ít sâu bệnh và chịu được gió bão;

- Xây dựng và trồng cây cho khu công viên chính của đô thị, đặc biệt chú trọng trồng cây xanh vườn hoa, gắn cây xanh với mặt nước, tạo thành điểm nhấn của đô thị, đáp ứng yêu cầu vui chơi nghỉ ngơi của đô thị. Tổ chức trồng cây xanh, sân vườn, khuôn viên, bồn hoa, trong các cơ quan nhà nước, công trình công cộng...vv Đóng góp vai trò quan trọng để xây dựng mô hình đô thị;

- Các khu xử lý nước thải cũng được phân ra theo từng lưu vực thoát nước để đảm bảo nước tự chảy, nước sau khi được xử lý sẽ được thoát ra hệ thống thoát nước chung;

- Chất thải rắn:

+ Giai đoạn 1 (đến năm 2020): 4.8 tấn/ng.đ.

+ Giai đoạn dài hạn (đến năm 2025): 6.4 tấn/ng.đ.

Chất thải rắn sinh hoạt: Trong các đơn vị ở phải thiết kế các vị trí thu gom rác hàng ngày. Chất thải cần được phân loại tại nguồn, thành chất thải rắn vô cơ để tái chế và chất thải rắn hữu cơ để chôn lấp.

Chất thải rắn công nghiệp: Cần phân loại chất thải ngay tại nguồn, tận thu, tái sử dụng. Chất thải rắn y tế độc hại được thu gom tại khu vực phòng khám và trạm y tế tùy theo mức độ và vận chuyển về lò đốt các bệnh viện gần nhất.

- Nghĩa trang: Đóng cửa các nghĩa trang phân tán của các thôn theo từng giai đoạn quy hoạch. Khoanh vùng giữ lại thành các công viên nghĩa trang. Xây dựng một khu nghĩa trang cho đô thị trở thành khu văn hóa tâm linh, đảm bảo vệ sinh môi trường đô thị.

8. Các dự án ưu tiên đầu tư tạo tiền đề thúc đẩy phát triển đô thị:

Trên cơ sở các dự án nâng cấp Tỉnh lộ 525 cần nghiên cứu phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật. Chi tiết các dự án sau:

- Hình thành mạng lưới giao thông khu vực trung tâm hành chính mới, tạo quỹ đất ở dân cư mới tại khu trung tâm, đồng thời kết nối hệ thống thương mại tiếp giáp khu Chợ hiện nay;

- Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Trường Sơn, nhằm kêu gọi các dự án đầu tư, thu hút lao động tại địa phương;

- Xây dựng hệ thống mạng lưới, trạm cấp nước, từng bước chỉnh trang hạ tầng tại các điểm dân cư hiện hữu;

- Đầu tư xây dựng tuyến chính đô thị; tuyến đường cảnh quan; Xây dựng mới bổ sung và nâng cấp các trạm biến áp nhằm đảm bảo nhu cầu cấp điện;

- Xây dựng các công trình hành chính đô thị; phòng khám; lập một số các dự án tái định cư;

- Từng bước hoàn thiện đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đảm bảo định hướng đến năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Sau khi đồ án Quy hoạch chung xây dựng đô thị Trường Sơn, huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025 được phê duyệt, Sở Xây dựng phối hợp với UBND huyện Nông Công:

- Tổ chức công bố rộng rãi nội dung quy hoạch phân khu được duyệt để nhân dân biết, kiểm tra giám sát và thực hiện.

- Tổ chức bàn giao hồ sơ, tài liệu Quy hoạch chung xây dựng đô thị Trường Sơn, huyện Nông Công, Tỉnh Thanh Hoá đến năm 2025 cho các địa phương, làm cơ sở để quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

* UBND huyện Nông Công phối hợp với các ngành liên quan và chính quyền địa phương:

- Tổ chức đưa mốc giới quy hoạch ra ngoài thực địa (cắm mốc, định vị tìm tuyến, lộ giới các trục giao thông chính, các khu vực bảo vệ ...).

- Tổ chức, chỉ đạo chính quyền địa phương quản lý chặt chẽ quỹ đất quy hoạch xây dựng đô thị, quản lý việc xây dựng theo quy hoạch.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xác định các biện pháp thực hiện quy hoạch xây dựng và cải tạo đô thị trên cơ sở huy động mọi nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nguồn khai thác từ quỹ đất bằng các cơ chế chính sách theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch UBND huyện Nông Công; Viện trưởng Viện Quy hoạch - Kiến trúc Thanh Hóa và Thủ trưởng các ngành, các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 Quyết định;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Các đồng chí Ủy viên UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, CN.
- H2.(2016)QDPD QHIC DT Truong Son Nong Cong.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



The image shows a circular official seal of the Provincial People's Committee. The seal contains the text 'ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH' and 'TRUNG TÂM QUẢN LÝ VÀ CHẤM DẤU'. A handwritten signature in black ink is written over the seal. Below the seal, the name 'Nguyễn Đình Xứng' is printed.

Nguyễn Đình Xứng